

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 /2020/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên,
vận động viên tỉnh Đồng Nai lập thành tích tại các giải thể thao**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 12 tháng 12 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Xét Tờ trình số 14240/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Đồng Nai lập thành tích tại các giải thể thao; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Đồng Nai lập thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia và cấp tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh.

b) Vận động viên đội tuyển cấp huyện, cấp ngành, đội tuyển trẻ cấp huyện, cấp ngành.

Điều 2. Nội dung, mức thưởng và kinh phí thực hiện

1. Mức tiền thưởng bằng tiền cho huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc gia

a) Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia được hưởng mức thưởng bằng tiền theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Đối với môn thể thao bóng đá, bóng chuyền được phân thành nhiều cấp giải đấu, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao này quy định mức thưởng như sau:

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá vô địch quốc gia, bóng chuyền vô địch các đội mạnh quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng tại Đại hội thể thao toàn quốc.

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá cúp quốc gia, bóng đá hạng nhất quốc gia, bóng chuyền hạng A quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng tại các giải vô địch quốc gia.

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá hạng nhì quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng tại giải vô địch trẻ quốc gia lứa tuổi từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi.

- Đạt thành tích tại các giải bóng đá hạng ba quốc gia: Mức thưởng bằng mức thưởng tại giải vô địch trẻ quốc gia lứa tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

b) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

c) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao toàn quốc được hưởng mức thưởng như sau:

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao toàn quốc có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao toàn quốc có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng

chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

- Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

d) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

đ) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này.

2. Mức tiền thưởng bằng tiền cho vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh

a) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu cá nhân: Mức thưởng bằng tiền theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho các vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị

quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. / *[Signature]*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- VP. HĐND tỉnh, VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

[Signature]
Nguyễn Phú Cường



PHỤ LỤC I

Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao, hội thao toàn quốc
(Kèm theo Nghị quyết số 38-NQ/HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Ngàn đồng/người

Số TT	Tên cuộc thi	Mức thưởng			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	Đại hội thể thao toàn quốc	20.000	10.000	6.500	+ 6.500
II	Giải vô địch toàn quốc từng môn; giải tập thể, cá nhân xuất sắc	14.000	7.000	4.600	+ 4.600
III	Giải cúp, giải câu lạc bộ	7.000	3.500	2.300	+ 2.300
IV	Giải vô địch trẻ toàn quốc				
1	Lứa tuổi dưới 12 tuổi	2.800	1.400	900	+ 900
2	Lứa tuổi từ 12 - dưới 16 tuổi	4.200	2.100	1.400	+ 1.400
3	Lứa tuổi từ 16 - dưới 18 tuổi	5.600	2.800	1.800	+ 1.800
4	Lứa tuổi từ 18 - dưới 21 tuổi	7.000	3.500	2.300	+ 2.300



PHỤ LỤC II

Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thể thao tỉnh
(Kèm theo Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Ngàn đồng/người

TT	Tên cuộc thi	Mức thưởng		
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
I	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh	1.200	600	450
II	Giải vô địch tỉnh từng môn, giải thể thao người khuyết tật	1.000	500	400
III	Giải cúp, giải câu lạc bộ	600	300	240
IV	Giải vô địch trẻ tỉnh			
1	Lứa tuổi dưới 12 tuổi	200	100	80
2	Lứa tuổi từ 12 - dưới 16 tuổi	300	150	120
3	Lứa tuổi từ 16 - dưới 18 tuổi	400	200	160
4	Lứa tuổi từ 18 tuổi dưới 21 tuổi	500	250	200